TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Liêm
2. Ông Nguyễn Văn Ngư

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Huỳnh Mộng Kiều** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/ QĐST- HNGĐ ngày 28/5/2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị N, sinh năm 1997 *(có mặt)*.

Địa chỉ số: 36/2, ấp 6, xã Ba T, huyện Kế S, tỉnh Sóc T.

2. *Bị đơn*: Ông Thạch Ra, sinh năm 1995 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ số: Ấp Xây Đá B, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2019; biên bản hòa giải ngày 20/02/2019; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị N, trình bày:

Bà và ông R kết hôn năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T. Và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/12/2015.

Thời gian đầu bà N và ông R chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông R không lo làm ăn, lo ăn nhậu, bạo lực gia đình, chửi lời lẻ thô tục, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm sống.

Đầu năm 2018 đến nay ông, bà đã ly thân, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nửa. Vì vậy bà N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông R.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2019, bị đơn ông Thạch R trình bày: Ông thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn đúng như bà N trình bày, nhưng ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Bà N khai vợ chồng có 01 con chung tên: Thạch Trần N, sinh ngày 04/03/2016.

Bà N xin được nuôi dưỡng con chung cháu Thạch Trần N , sinh ngày 04/03/2016, không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con.

Ông R công nhận vợ chồng có 01 con chung như bà N Khai, ông đồng ý giao con chung cháu Thạch Trần N, sinh ngày 04/03/2016 cho bà N nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐINH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông R được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng ông R đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông R là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được cha mẹ hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông R đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà N có nguyện vọng được nuôi 01 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, Tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2019 ông R đồng ý giao con chung tên Thạch Trần N, sinh ngày 04/03/2016 cho bà N nuôi dưỡng. Còn bà N là công nhân Công Ty may tại Vĩnh Long, thu nhập bình quân 5.000.000đ/ tháng đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu Thạch Trần N, nên Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà N, giao cháu: Thạch Trần N, sinh ngày 04/03/2016 cho bà N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án bà N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn TrầnThị N đối với bị đơn Thạch R về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con", nguyên đơn TrầnThị N được ly hôn với bị đơn Thạch R; giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng một con chung tên: Thạch Trần Như Ý, sinh ngày 04/03/2016, và bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

- *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Thạch R.

- *Về con chung*: Giao con chung tên: Thạch Trần N, sinh ngày 04/03/2016, cho bà N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Ông Thạch R được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0006725, ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện CT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*